

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Vietlott).

2. Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Chương II

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐẶC THÙ VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 3. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 4. Doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác, doanh thu từ hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật và thu nhập khác.

2. Đối với giải thưởng tích lũy của các sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán, nếu hết thời hạn lĩnh thưởng mà người trúng thưởng không đến lĩnh thưởng thì doanh nghiệp kinh doanh xổ số được phép kinh doanh xổ số điện toán hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

Điều 5. Chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

1. Chi phí trả thưởng

a) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với loại hình xổ số truyền thống phát hành theo cơ chế liên kết phát hành, chi phí trả thưởng gồm: Chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán cho các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm tự chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực; Chi phí trả thưởng thực tế đã chi trả được phân bổ cho doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo tỷ lệ phân bổ đối với các vé xổ số trúng thưởng thuộc trách nhiệm chi trả chung của Hội đồng được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số tự chọn số điện toán là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng và giá trị của các giải thưởng tích lũy chưa trúng thưởng được chuyển sang kỳ quay số mở thưởng tiếp theo được quy định cụ thể tại Thẻ lệ tham gia dự thưởng theo quy định của pháp luật về xổ số.

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

a) Hoa hồng đại lý là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số để các đại lý này bán vé số.

b) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi hoa hồng cho các đại lý xổ số quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

c) Mức chi hoa hồng đại lý phải quy định cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số.

d) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi tại hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

đ) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng

a) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

b) Căn cứ chi là hợp đồng đại lý đã ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số, trong đó phải có điều khoản quy định về việc ủy quyền trả thưởng và các chứng từ khác chứng minh đại lý xổ số đã thanh toán giải thưởng cho khách hàng.

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng. Riêng đối với trường hợp phát hành vé xổ số truyền thống theo cơ chế liên kết phát hành, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện quay số mở thưởng chung, chi phí quay số mở thưởng của từng doanh nghiệp được phân bổ theo

tỷ lệ doanh số vé xổ số nhận bán của từng doanh nghiệp so với tổng doanh số phát hành của khu vực trong kỳ. Việc xác định chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số do cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Định mức thù lao được xác định theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thời gian về nội dung công việc thực hiện, nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

a) Nguyên tắc chi:

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả.

- Phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

- Có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Toà án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế và mức chi hỗ trợ theo quy định tại khoản này, doanh nghiệp kinh doanh xổ số trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt nội dung và mức chi hỗ trợ cụ thể, đảm bảo các khoản chi hỗ trợ đúng đối tượng, định mức.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

a) Nguyên tắc trích lập:

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

- Tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

Trong đó, đối với Vietlott, tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ không bao gồm doanh thu từ các kỳ bán trước chưa được quay số mở thưởng.

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Bắc, miền Trung tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập và 3% đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam và Vietlott.

b) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

Dự phòng rủi ro trả thưởng	=	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập	x	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số	-	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định tại điểm a khoản này.

d) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

7. Chi phí về vé xổ số

a) Chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) hoặc chi đóng góp chi phí in vé xổ số chung theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và cơ sở in.

b) Chi phí in tờ lựa chọn số dự thưởng, mua giấy in, mực in và chi phí khác liên quan đến vé xổ số tự chọn số điện toán theo giá thanh toán thực tế trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đơn vị cung cấp.

c) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xổ số tự in vé xổ số, chi phí in vé xổ số là các khoản chi hợp lý, hợp lệ thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí chung của doanh nghiệp.

8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng

a) Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý.

b) Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định của pháp luật về thuế.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực

a) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

b) Các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ. Trường hợp do Hội đồng Xổ số kiến thiết khu vực quản lý chi tiêu, Hội đồng phải thống nhất thông qua định mức chi. Chủ tịch Hội đồng Xổ số kiến thiết khu vực chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi. Hết năm tài chính phải quyết toán để công khai trong Hội đồng Xổ số kiến thiết khu vực. Sau khi quyết toán, nếu thừa thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo đúng các mục đích đã quy định.

Điều 6. Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Vietlott

1. Việc xác định doanh thu thực tế từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm xổ số tự chọn số điện toán của Vietlott tại địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện như sau:

a) Đối với phương thức phân phối vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua thiết bị máy đầu cuối: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán phát sinh từ các máy đầu cuối đăng ký bán vé xổ số tự chọn số điện toán trong địa giới hành chính từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hợp đồng đại lý xổ số đã ký với Vietlott hoặc các cửa hàng, điểm bán vé do doanh nghiệp thiết lập trên địa bàn.

b) Đối với phương thức phân phối vé xổ số tự chọn số điện toán thông qua điện thoại và internet: Doanh thu được xác định theo địa điểm khách hàng đăng ký địa bàn tham gia dự thưởng khi mở tài khoản dự thưởng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán.

2. Vietlott có trách nhiệm thực hiện theo quy định sau:

a) Kê khai, quyết toán các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp tại trụ sở chính. Trên cơ sở số thuế phải nộp theo từng sắc thuế, Vietlott thực hiện phân bổ các khoản thuế phải nộp vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn.

b) Khấu trừ, kê khai và quyết toán khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại trụ sở chính. Vietlott thực hiện phân bổ thuế thu nhập cá nhân phải nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau: Thuế thu nhập cá nhân đối với hoa hồng trả cho đại lý xổ số tự chọn số điện toán, thực hiện phân bổ theo từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đại lý xổ số tự chọn số điện toán phát sinh thu nhập chịu thuế; thuế thu nhập cá nhân đối với người trúng thưởng, thực hiện phân bổ theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cá nhân đăng ký tham gia dự thưởng đối với phương thức phân phối thông qua phương tiện điện thoại hoặc internet và nơi phát hành vé xổ số tự chọn số điện toán đối với phương thức phân phối thông qua thiết bị đầu cuối.

c) Trường hợp khoản lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp nộp vào ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này, Vietlott thực hiện kê khai tại trụ sở chính, phân bổ vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 7. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.

2. Việc sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Nghiêm cấm doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế để chi thưởng hoặc hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật.

Điều 8. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Ngoài các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập và gửi các báo cáo sau:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (Mẫu số 01/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (Mẫu số 02/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (Mẫu số 03/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (Mẫu số 04/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (Mẫu số 05/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

e) Báo cáo doanh thu thực tế phát sinh theo từng địa bàn tỉnh, thành phố có phát hành xổ số điện toán và tình hình phân bổ, nộp ngân sách các tỉnh hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán của Vietlott (Mẫu số 06/BCXS tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính cùng với thời điểm gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

4. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Chương III

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐẶC THÙ VỀ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Điều 9. Đầu tư vốn ra bên ngoài

Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chỉ được đầu tư, góp vốn ra bên ngoài để phát triển cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin của thị trường chứng khoán sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Doanh thu

1. Đối với Sở Giao dịch Chứng khoán

a) Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu từ hoạt động niêm yết; doanh thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, giao dịch chứng khoán phái sinh; doanh thu từ thành viên giao dịch; doanh thu từ hoạt động đấu thầu trái phiếu; doanh thu từ hoạt động đấu giá cổ phần; doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ khác.

b) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ dịch vụ cung cấp thông tin; doanh thu từ dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng; doanh thu dịch vụ khác.

c) Ngoài doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính đối với lãi tiền gửi phát sinh liên quan đến hoạt động đấu giá cổ phần.

2. Đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

a) Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý thành viên lưu ký; doanh thu từ hoạt động đăng ký chứng khoán; doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán; doanh thu từ hoạt động chuyển khoản chứng khoán; doanh thu từ việc thực hiện quyền; doanh thu từ hoạt động xử lý lỗi sau giao dịch; doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; doanh thu từ hoạt động đại lý thanh toán lãi và gốc trái phiếu; doanh thu từ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh; doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ khác.

b) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ dịch vụ cung cấp thông tin; doanh thu dịch vụ khác.

c) Ngoài doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính đối với lãi tiền gửi phát sinh từ hoạt động thanh toán hộ cổ tức, gốc, lãi trái phiếu và thực hiện quyền mua chứng khoán.

Điều 11. Chi phí

Sở Giao dịch Chứng khoán; Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau đây:

1. Chi trích lập Quỹ bồi thường thiệt hại thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán và chi trích lập Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ, Quỹ phòng ngừa rủi ro thanh toán chứng khoán phái sinh của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

a) Việc trích Quỹ bồi thường thiệt hại thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán và Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện hàng quý. Mức trích quỹ cả năm tối đa không quá 2% doanh thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán đối với Sở Giao dịch chứng khoán và 2% doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Khi số dư của Quỹ bằng 5% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại cùng thời điểm thì không thực hiện trích nữa.

b) Việc trích Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chứng khoán phái sinh của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện hàng quý và mức trích quỹ tối đa cả năm không quá 15% doanh thu hàng năm từ nghiệp vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh.

c) Trong năm tài chính nếu không sử dụng hết, các Quỹ được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp. Trường hợp số dư quỹ không đủ để chi thì phần chi thực tế còn lại được tính vào chi phí hoạt động nghiệp vụ.

d) Việc sử dụng Quỹ bồi thường thiệt hại thành viên, Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chứng khoán phái sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Chi phí của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chuyển lại cho Sở Giao dịch Chứng khoán số thu hoạt động giao dịch chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12. Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp

1. Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp của doanh nghiệp nhà nước.

2. Khi tính toán các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, ngoài các yếu tố quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin

tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước và các văn bản sửa đổi bổ sung, thay thế (nếu có), Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được loại trừ các yếu tố khách quan sau:

a) Chính sách quản lý của Nhà nước làm ảnh hưởng đến tình hình niêm yết, giao dịch chứng khoán và tình hình đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ chứng khoán trên thị trường chứng khoán.

b) Đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ thay đổi do biến động các yếu tố: Khối lượng chứng khoán giao dịch và giá giao dịch; giá trị trái phiếu trúng thầu, kế hoạch và quy mô huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu; giá trị giao dịch trái phiếu Chính phủ, tín phiếu; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; khối lượng giao dịch hợp đồng tương lai.

c) Đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ thay đổi do biến động các yếu tố: Khối lượng chứng khoán lưu ký thực hiện trong năm; giá trị thanh toán gốc, lãi trái phiếu, tín phiếu Chính phủ; số lần thực hiện quyền và số lượng cổ đông tương ứng với mỗi lần thực hiện quyền; số lần và giá trị chuyển khoản chứng khoán; giá trị chuyển quyền sở hữu chứng khoán không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 13. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

1. Tuân thủ quy định về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định tại Nghị định này và các quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước.

2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với công tác tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm hạch toán tách biệt vốn và tài sản của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với quỹ hỗ trợ thanh toán thành lập theo quy định tại Điều 58 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và quỹ bù trừ theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Phê duyệt mức chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số; mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả theo quy định tại Nghị định này.

3. Chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát toàn diện đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số trong việc chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Thực hiện chức năng cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Vietlott theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn mức chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số; mức chi ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng; mức chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số tự chọn số điện toán; mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả; mức chi đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 9 Điều 5 Nghị định này.

3. Đánh giá việc chấp hành chế độ, chính sách để hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Ngoài các quy định đặc thù nêu tại Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam còn phải thực hiện theo quy định quản lý tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).KN *đkt*



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP
ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh
Mẫu số 02	Báo cáo tình hình tiêu thụ vé
Mẫu số 03	Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý xổ số
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng
Mẫu số 05	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước
Mẫu số 06	Báo cáo tình hình doanh thu phát sinh theo từng địa bàn và tình hình phân bổ nguồn thu ngân sách cho từng địa phương

CÔNG TY.....

Mẫu số 01/BCXS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN TRONG KỲ	SỐ CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC %	LŨY KẾ
1	2	3	4	5
A	DOANH THU			
I	Hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống			
1	Doanh thu xổ số truyền thống			
2	Doanh thu xổ số cao			
3	Doanh thu xổ số bốc			
4	Doanh thu xổ số Lô tô			
5	Doanh thu xổ số điện toán (Công ty XSĐT Thủ Đức)			
II	Hoạt động kinh doanh xổ số điện toán			
1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			
4	Xổ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
III	Hoạt động kinh doanh khác			
1	Doanh thu từ HĐKD khác			
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính			
3	Thu nhập khác			
B	CHI PHÍ			
I	Chi phí nghiệp vụ kinh doanh xổ số			
1	Chi phí trả thưởng			
1.1	Chi trả thưởng xổ số truyền thống			
1.1.1	Xổ số truyền thống			
1.1.2	Xổ số cao			
1.1.3	Xổ số bốc			
1.1.4	Xổ số Lô tô			
1.1.5	Xổ số điện toán (Công ty XSĐT Thủ Đức)			
1.2	Chi trả thưởng xổ số điện toán			
1.2.1	Xổ số tự chọn số theo ma trận			
1.2.2	Xổ số tự chọn số theo dãy số			
1.2.3	Xổ số tự chọn quay số nhanh			
1.2.4	Xổ số điện toán khác (theo QĐ của BTC)			
2	Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng			
	Trong đó:			
2.1	Số đã trích			
2.2	Số sử dụng			
3	Chi hoa hồng đại lý			
4	Chi uỷ quyền trả thưởng			
5	Chi phí khác			
II	Chi phí hoạt động kinh doanh khác			
C	THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN			
I	Các khoản phải nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng			
II	Các khoản đã nộp			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế TNDN			
4	Các khoản thuế khác			
5	Nộp sau khi trích lập các quỹ			
6	Thuế thu hộ từ đại lý và người trúng thưởng			
D	KẾT QUẢ KINH DOANH (LÃI/LỖ)			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm...
GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÉ

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	PHÁT SINH TRONG KỲ			SO VỚI CUNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)		
		Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ	Số lượng vé phát hành	Số lượng vé tiêu thụ	Tỷ lệ tiêu thụ
1	2	3	4	5 = 4/3	6	7	8
1	Xô số truyền thống Mệnh giá...						
2	Xô số cao Mệnh giá...						
3	Xô số bóc Mệnh giá						
4	Xô số Lô tô Mệnh giá...						
5	Xô số điện toán (Công ty XSKT Thủ Đức) Mệnh giá...						
6	Xô số tự chọn số điện toán (Công ty XSĐT Việt Nam) Mệnh giá...						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm
GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ
TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM...**

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ	
		Năm trước	Năm nay
I	Các chỉ tiêu		
1	Tổng lợi nhuận trước thuế		
2	Vốn chủ sở hữu bình quân (gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển mã số 417 + nguồn vốn đầu tư XDCB mã số 421)		
3	Vốn huy động bình quân		
4	Chi tiêu tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
5	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	Năm trước (%)		
	Năm nay (%)		
6	Quỹ lương thực hiện năm		
7	Thu nhập bình quân người/tháng		
	Chủ tịch công ty		
	Tổng Giám đốc		
	Phó Tổng Giám đốc		
8	Tổng số lao động bình quân năm ...		
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Thuế TNDN		
2	Trích Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng		
3	Quỹ đầu tư phát triển		
4	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng ... năm
CHỦ TỊCH (TỔNG GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

